

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮKNÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2023
*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮKNÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Hội

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác và bà Hoàng Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 125/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXX-ST ngày 14/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 06 Lý Thường K, tổ dân phố 9, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Văn T (tên thường gọi: Trương Quang V), sinh năm 1976; địa chỉ: Số 06 Lý Thường K, tổ dân phố 9, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 22/5/2023, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Trương Văn T kết hôn ngày 11/12/2000, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Đắc Nông. Trong thời gian chung sống giữa chị N và anh T thường nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Anh T thường đánh đập ngược đãi chị N và các con, không

quan tâm đến vợ, con. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T ngày một trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay không còn sống chung với nhau nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N và anh T có 03 con chung là Trương Thị Ngọc A, sinh ngày 23/5/2004, Trương Minh A1, sinh ngày 28/9/2009 và con Trương Mạnh T, sinh ngày 25/4/2011.

Chị N có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Trương Minh A1, sinh ngày 28/9/2009 và con Trương Mạnh T, sinh ngày 25/4/2011 đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với con chung Trương Thị Ngọc A, sinh ngày 23/5/2004 đã đủ 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị N không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Trương Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Trương Văn T và chị Đỗ Thị N kết hôn năm 2000 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn anh T và chị N chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N không còn yêu thương anh T. Anh T không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị N vì anh T vẫn còn tình cảm với chị N và mong muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh T thừa nhận anh và chị N có 03 con chung là Trương Thị Ngọc A, sinh ngày 23/5/2004, Trương Minh A1, sinh ngày 28/9/2009 và con Trương Mạnh T, sinh ngày 25/4/2011.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không

có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung giao 02 con chung là Trương Minh A1, sinh ngày 28/9/2009 và con Trương Mạnh T, sinh ngày 25/4/2011 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với con chung Trương Thị Ngọc A, sinh ngày 23/5/2004 đã đủ 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và quyền nuôi con chung khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Bị đơn là anh Trương Văn T có nơi cư trú tại tổ dân phố 9, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

1.2. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên nguyên đơn đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Trương Văn T kết hôn năm 2000 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H theo Giấy chứng

nhận kết hôn số 32/2000, ngày 11/12/2000. Như vậy, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Xét lý do chị N yêu cầu ly hôn anh T là vì sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc, thường nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và tính cách không hòa hợp, anh T sống không chung thủy. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh T ngày càng trở lên trầm trọng, hiện nay đã không còn sống chung với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn.

Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng chung sống có hạnh phúc phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Tuy nhiên, sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh T thường nảy sinh mâu thuẫn, anh T không yêu thương chăm sóc, giúp đỡ chị N. Hiện nay chị N và anh T đã không còn sống chung với nhau điều này thể hiện hôn nhân giữa chị N và anh T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã trở lên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho chị N ly hôn anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Đối với yêu cầu của chị N về việc muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung chưa thành niên là Trương Minh A1, sinh ngày 28/9/2009 và Trương Mạnh T, sinh ngày 25/4/2011 đến khi đủ 18 tuổi.

Xét thấy, yêu cầu được nuôi 02 con chung của chị N phù hợp với nguyện vọng muốn được ở với mẹ của 02 con chung Trương Minh A1 và Trương Mạnh T nên việc giao 02 con chung cho chị N được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là cần thiết, đảm bảo được các quyền lợi cho con chung và phù hợp khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với con chung Trương Thị Ngọc A, sinh ngày 23/5/2004 đã đủ 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh Trương Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Đỗ Thị N và anh Trương Văn T có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Do chị Đỗ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N.

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị N ly hôn anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung chưa thành niên là Trương Minh A1, sinh ngày 28/9/2009 và Trương Mạnh T, sinh ngày 25/4/2011 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với con chung Trương Thị Ngọc A, sinh ngày 23/5/2004 đã đủ 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.1. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Đỗ Thị N không yêu cầu anh Trương Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.2. Sau khi ly hôn chị Đỗ Thị N và anh Trương Văn T có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Đỗ Thị N phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M theo biên lai số 0009300, ngày 01 tháng 6 năm 2023.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã H, huyện S;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Đình Hội